

Sẵn sàng bút phá trên đường đua tăng trưởng

MUA [+115%]

Giá hợp lý

Giá hiện tại

Ngày cập nhật:

26/07/2022

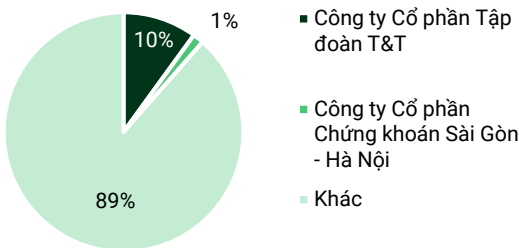
30,300 VND

14,100 VND

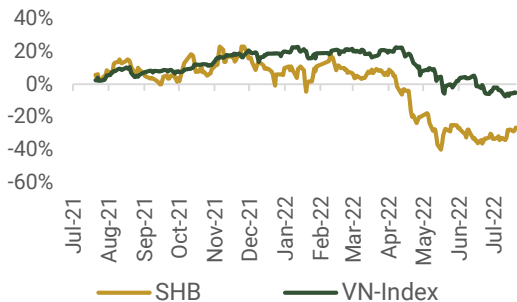
THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CP đang lưu hành (triệu)	2,667.4
Free float (triệu)	2,133.5
Vốn hóa (tỷ VND)	38,403
KL GDTB 3 tháng (cổ phiếu)	14,394,847
Sở hữu nước ngoài (%)	4.05%
Ngày niêm yết đầu tiên	20/04/2009

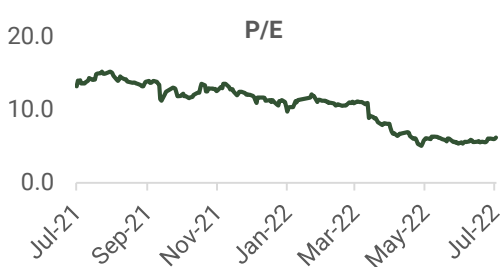
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU SO VỚI INDEX



LỊCH SỬ ĐỊNH GIÁ



Tổng quan doanh nghiệp: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) hiện đứng trong Top 5 Ngân hàng TMCP lớn nhất Việt Nam. SHB hướng tới mục tiêu ngân hàng số 1 về hiệu quả và công nghệ trong các ngân hàng thương mại tại Việt Nam năm 2025.

Điểm nhấn đầu tư:

Hoàn thành xử lý nợ tồn đọng, SHB bút phá trên đường đua tăng trưởng. Nhờ kết quả kinh doanh không bị tác động bởi nợ tồn đọng do HBB để lại, kết thúc năm 2021, LNST tăng trưởng vượt bậc 91.6% YoY lên 5,007 tỷ đồng, thuộc top 25% những ngân hàng tăng trưởng nhanh nhất. SHB đặt mục tiêu ngắn hạn (1-2 năm) sẽ nằm trong Top 5 ngân hàng TMCP tư nhân lớn nhất Việt Nam.

NIM – Cải thiện mạnh bất chấp gió ngược chiều. NIM của SHB đã đạt sự cải thiện ấn tượng nhờ: (1) LTM Tỷ suất sinh lời trên Tài sản có sinh lãi đạt 8.74%, thuộc top 25% ngân hàng cao nhất; (2) SHB được các tổ chức quốc tế và chính phủ các nước lựa chọn là Ngân hàng cho vay lại và Ngân hàng phục vụ với nguồn vốn tài trợ 2.55 tỷ USD trong năm 2021, là cơ sở để SHB giảm chi phí vốn và hỗ trợ NIM.

Định giá & khuyến nghị: Với dự phóng thận trọng, chúng tôi ước tính tăng trưởng tín dụng năm 2022 của SHB đạt 19.5% nhờ: (1) Quá trình phục hồi nền kinh tế và thực hiện các chính sách của Chính phủ để hỗ trợ doanh nghiệp; (2) SHB đặt chiến lược khai thác tối đa hệ sinh thái khách hàng, tập trung vào các ngành tận dụng được thị trường 100 triệu dân của Việt Nam; (3) Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực tín dụng xanh.

Chúng tôi ước tính NIM 2022 của SHB sẽ cải thiện 5 bps lên 3.76% nhờ (1) Các sản phẩm cho vay hệ sinh thái khách hàng có lãi suất tốt; (2) Huy động được nguồn giá rẻ từ các tổ chức tài chính quốc tế.

Ngân hàng Nhà Nước ban hành Thông tư 14/2021/TT-NHNN (Thông tư 14) sửa đổi Thông tư 01/2020/TT-NHNN (Thông tư 01) và Thông tư 03/2021/TT-NHNN cho phép kéo dài thời gian cơ cấu nợ đến ngày 30/06/2022. Qua đó, chúng tôi ước tính tỷ lệ nợ xấu của SHB đạt 1.85% vào năm 2022.

Sử dụng phương pháp định giá chiết khấu thu nhập thặng dư (Residual Income) và P/B, chúng tôi xác định giá trị hợp lý đối với mỗi cổ phiếu SHB là 30,300VNĐ/CP. Khuyến nghị: Mua đối với cổ phiếu này.

Rủi ro: (1) Rủi ro lạm phát; (2) Rủi ro pha loãng cổ phiếu; (3) Rủi ro cạnh tranh; (4) Rủi ro từ nguồn doanh thu từ mua bán chứng khoán đầu tư không bền vững

Chỉ số tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	2021A	2022F
Thu nhập lãi thuần	4,797	5,556	7,830	9,933	15,570	18,882
Lợi nhuận sau thuế	1,539	1,672	2,418	2,607	5,007	9,583
EPS (VND)	1,374	1,389	2,009	1,489	1,877	3,593
Tăng trưởng EPS (%)	69%	9%	45%	8%	92%	91%
Giá trị sổ sách (VND)	13,120	13,570	15,376	13,727	13,321	16,913
P/E	2.96	4.20	2.09	6.71	10.66	8.45
P/B	0.31	0.43	0.27	0.73	1.50	1.8
Cổ tức tiền mặt	0%	0%	0%	0%	0%	0%

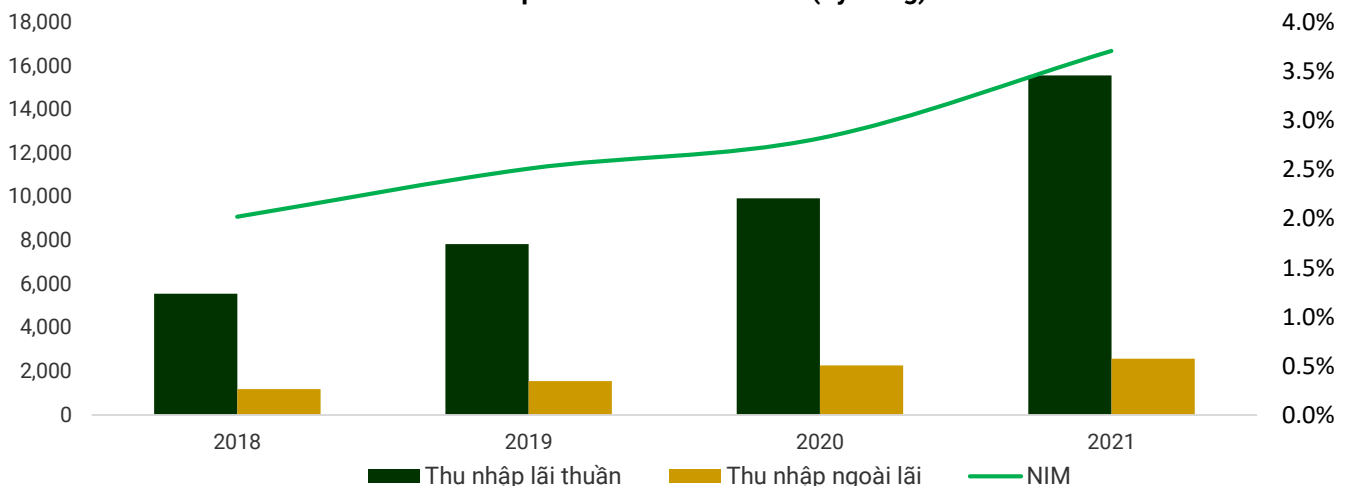
Hoàn thành xử lý nợ tồn đọng, SHB bứt phá trên đường đua tăng trưởng

SHB là ngân hàng chuyên về các hoạt động cho vay truyền thống, với Thu nhập lãi thuần chiếm 86% Tổng thu nhập hoạt động (TOI), trong khi đó Thu nhập ngoài lãi chỉ chiếm 14% TOI. SHB định hướng đa dạng hóa thu nhập và giảm bớt sự phụ thuộc vào hoạt động tín dụng trong tương lai, hướng đến trở thành ngân hàng bán lẻ hiện đại đa năng.

SHB chính thức sáp nhập với Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (HBB) vào tháng 08/2022. Tại ngày 31/12/2020, SHB đã trích lập toàn bộ dự phòng cho các khoản nợ tồn đọng tài chính thuộc “Đề án sát nhập SHB và HBB”, hơn nữa, đến ngày 21/08/2021, SHB đã xử lý toàn bộ nợ Vinashin. Nhờ kết quả kinh doanh không bị tác động bởi nợ tồn đọng do HBB để lại, kết thúc năm 2021, LNST tăng trưởng vượt bậc 91.6% YoY lên 5,007 tỷ đồng, thuộc top 25% những ngân hàng tăng trưởng nhanh nhất. Sự cải thiện trong hiệu quả hoạt động còn được thể hiện qua hệ số JAWS của SHB đạt 46.5%, vượt xa mức trung bình 17.7% và cao nhất toàn ngành trong năm 2021.

SHB đặt mục tiêu ngắn hạn (1-2 năm) sẽ nằm trong Top 5 ngân hàng TMCP tư nhân lớn nhất Việt Nam, trong đó có Top 5 về ngân hàng bán lẻ và SME, Top 3 ngân hàng doanh nghiệp lớn và Top 5 về thu phí dịch vụ. Trong giai đoạn 2-5 năm tới, SHB đặt mục tiêu nằm trong Top 3 ngân hàng TMCP tư nhân lớn nhất Việt Nam, trong đó Top 3 về hoạt động bán lẻ, Top 2 ngân hàng SME, Top 3 ngân hàng doanh nghiệp lớn.

Kết quả kinh doanh của SHB (Tỷ đồng)



(Nguồn: SHB, PHFM tổng hợp)

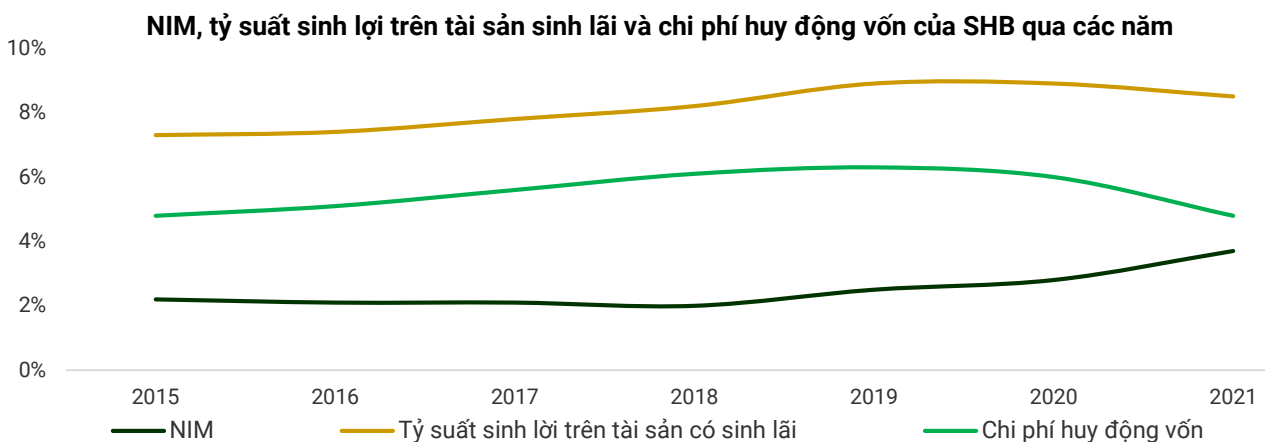
NIM – Cải thiện mạnh bất chấp gió ngược chiều

Lũy kế 12 tháng gần nhất (LTM), NIM của SHB đạt 4.14%, cao hơn mức trung bình ngành là 3.42%, cải thiện 41 bps so với cuối năm 2021, là mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây.

Trong giai đoạn dịch Covid-19 (2020-2021), SHB đã giảm lãi suất từ 0.5%-2% cho 42 ngàn khách hàng với tổng dư nợ 145 ngàn tỷ đồng và cho Vietnam Airlines vay 1,000 tỷ đồng trong gói hỗ trợ. Dù SHB nằm trong top 2 ngân hàng TMCP tư nhân giảm lãi suất nhiều nhất hỗ trợ khách hàng ảnh hưởng bởi dịch Covid, nhưng NIM của SHB đã đạt sự cải thiện ấn tượng, được hỗ trợ bởi:

(1) LTM Tỷ suất sinh lời trên Tài sản có sinh lãi đạt 8.74%, thuộc top 25% ngân hàng cao nhất. Năm 2021, SHB tăng tỷ trọng cho vay dài hạn lên 33% với dư nợ dài hạn đạt 120,676 tỷ đồng (+30.3% YoY). Mảng cho vay doanh nghiệp của SHB hướng đến doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, doanh nghiệp xuất khẩu, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, và các doanh nghiệp khởi nghiệp. SHB có các chương trình cho vay các doanh nghiệp cùng chuỗi cung ứng được hưởng các gói ưu đãi, xem xét cho vay các thành viên tham gia liên kết không có bảo đảm bằng tài sản, thực hiện chính sách trả nợ linh hoạt và cải cách các thủ tục cấp tín dụng. Cho vay doanh nghiệp chiếm 79% dư nợ cho vay, trong đó ngành thương mại (26%), nông nghiệp và lâm nghiệp (14%), sản xuất (18.6%), xây dựng (13.4%).

(2) SHB được các tổ chức quốc tế và chính phủ các nước (gồm Ngân hàng thế giới - WB, Ngân hàng phát triển Châu Á - ADB, Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản - JICA, Ngân hàng tái thiết Đức - KfW,...) lựa chọn là Ngân hàng cho vay lại và Ngân hàng phục vụ với nguồn vốn tài trợ 2.55 tỷ USD trong năm 2021. Tiếp cận với nguồn vốn giá rẻ là cơ sở để SHB giảm chi phí vốn và hỗ trợ NIM. Hơn nữa, SHB nổi bật là 1 trong số những ngân hàng đứng đầu về tín dụng xanh. Năm 2021, SHB và World Bank đã ký hợp đồng bảo lãnh cho Quỹ Khí hậu xanh với tổng giá trị 75 triệu USD.



(Nguồn: SHB, PHFM tổng hợp)

CIR

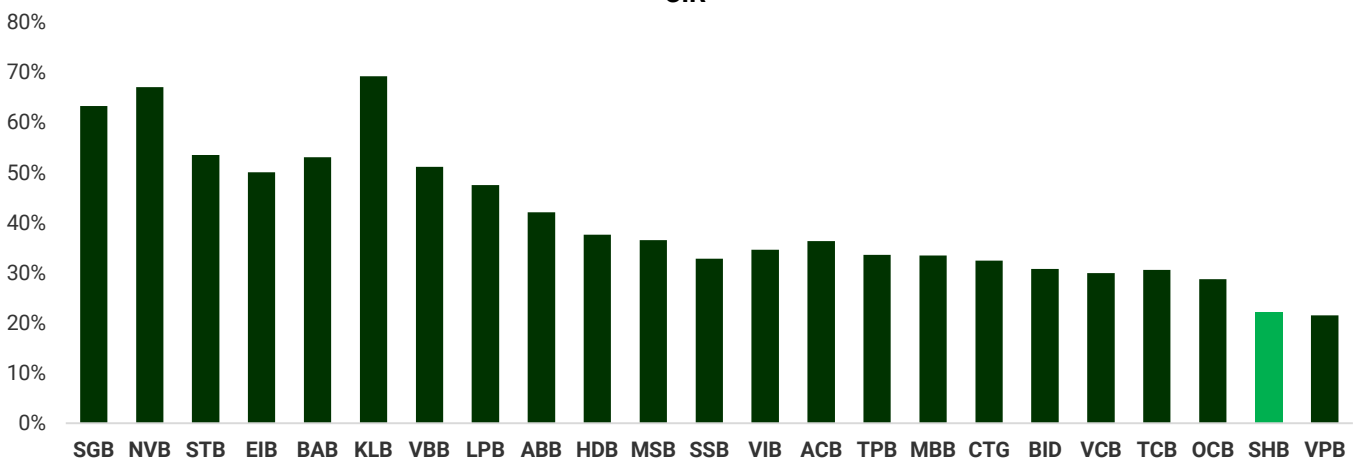
Như những ngân hàng khác, một trong những trụ cột phát triển chính của SHB là Nền tảng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: xây dựng văn hóa số, chuyển đổi con người người và số hóa quy trình nội bộ. Nhờ thực hiện các dự án chuyển đổi số, LTM CIR của SHB đạt 22.2%, thuộc top 25% thấp nhất ngành. Trong giai đoạn 2017-2021, CAGR của Doanh thu/nhân viên đạt 19.5%, vượt xa CAGR của Chi phí hoạt động/nhân viên (9.0%), cho thấy hiệu quả của chuyển đổi mang lại qua thời gian.

Trong năm 2022, SHB đặt kế hoạch sẽ nâng cấp/chuyển đổi corebanking, core thẻ, và khả năng tích hợp cao cho các sản phẩm phần mềm ứng dụng CNTT hiện đại và chuyển đổi số như Omni Channel, CRM (Hệ thống quản lý quan hệ khách hàng). Hơn nữa, SHB còn thực hiện những dự án bổ trợ như: dự án LOS-xây dựng quy trình cho vay theo hành trình khách hàng, dự án tư vấn kiến trúc Microservices cho toàn bộ hệ thống CNTT, dự án nâng cấp trực tích hợp ESB, dự án triển khai nền tảng Hybrid Cloud.

Nhằm thực hiện mục tiêu trở thành ngân hàng số được yêu thích nhất vào năm 2025, mới đây vào tháng 05/2022, SHB và công ty Temenos – Đơn vị về phần mềm ngân hàng, đã ký kết hợp đồng hợp tác chiến lược xây dựng nền tảng hợp kênh (OMNI Channel Platform). Hệ thống Omni Channel sẽ thay thế và đồng bộ hóa các kênh tương tác khách hàng cá nhân hiện tại như Internet Banking/ Mobile Banking/ Kênh Chi nhánh/ Kênh 247 và các kênh tương tác, hỗ trợ khách hàng khác.

Trong vòng 5 năm, SHB sẽ tập trung triển khai các dự án theo các lĩnh vực Customer centric, Big Data, Digital, Process optimization, Technology, IT Operating model.

CIR



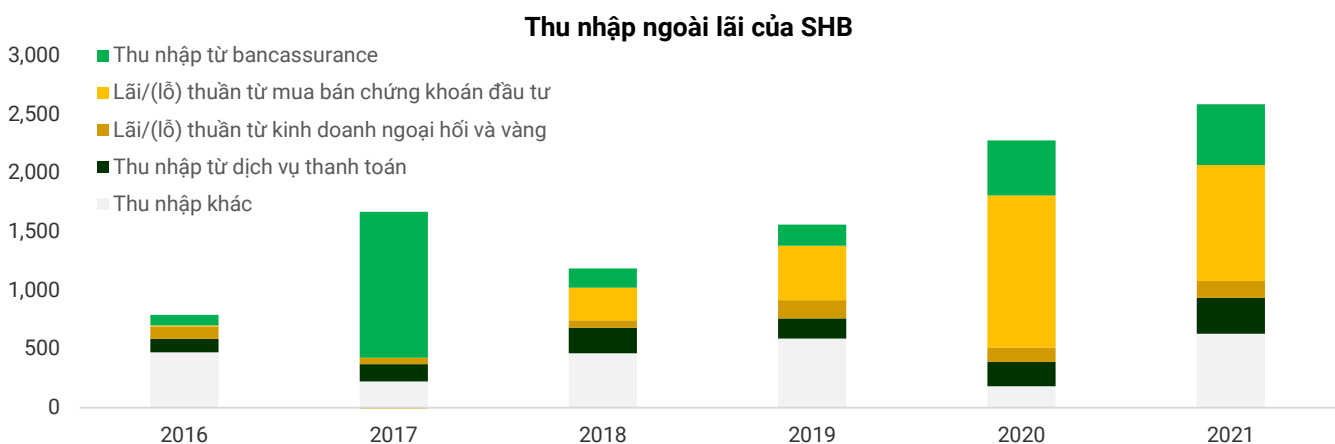
(Nguồn: SHB, PHFM tổng hợp)

Thoái vốn tại Công ty tài chính sẽ tạo động lực tăng trưởng Thu nhập ngoài lãi năm 2022

Năm 2021, SHB đã đàm phán thành công việc thoái vốn của SHB tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng SHB (SHBFC) cho Ngân hàng TNHH Đại chúng Ayudhya (Krungsri) của Thái Lan – thành viên chiến lược thuộc Tập đoàn MUFG – Nhật Bản. SHB sẽ chuyển nhượng 50% vốn điều lệ của SHB Finance cho Krungsri và sẽ tiếp tục chuyển nhượng 50% vốn còn lại sau 3 năm. Thương vụ ước tính trị giá 5.1 tỷ Baht Thái, tương đương 156 triệu USD, tức tương đương hơn 3,500 tỷ đồng. Đây là thương vụ mua bán công ty tài chính tiêu dùng cao thứ 2 Việt Nam. Việc bán SHBFC sẽ mang lại nguồn thu nhập và đóng góp vào tăng trưởng của SHB trong các năm tới.

Lãi/lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư đóng góp tỷ trọng đáng kể trong thu nhập ngoài lãi của SHB (38% vào năm 2021). Tại ngày 31/03/2022, SHB nắm giữ 15,882 tỷ đồng (+185%YTD) trái phiếu doanh nghiệp sẵn sàng để bán, chiếm 3.1% Tổng tài sản. SHB cho biết ngân hàng thực hiện mua bán trái phiếu doanh nghiệp trong ngắn hạn nhằm đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, các trái phiếu tập trung vào lĩnh vực năng lượng (nhiệt điện, thủy điện, điện mặt trời) và hầu hết các dự án đều đã đóng điện. Ban lãnh đạo khẳng định các trái phiếu doanh nghiệp sẵn sàng để bán đều an toàn và có thanh khoản cao. Dù việc đầu tư trái phiếu của ngân hàng phù hợp với chỉ đạo của Chính phủ về việc phát triển các dự án năng lượng sạch, chúng tôi cho rằng thu nhập từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư không là nguồn thu nhập bền vững và nhiều rủi ro, đặc biệt trong bối cảnh hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng đang được Chính phủ kiểm soát.

Thu nhập từ bancassurance là một trong những nguồn thu nhập ngoài lãi chính của SHB, chiếm 20% Thu nhập ngoài lãi năm 2021 và đạt CAGR 46% trong giai đoạn 2018-2021. SHB là đại lý của Dai-ichi Life Việt Nam và các công ty bảo hiểm phi nhân thọ khác như Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn Hà Nội (BSH), Tổng CTCP Bảo hiểm hàng không (VNI), Tổng Công ty bảo hiểm PVI, và Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.



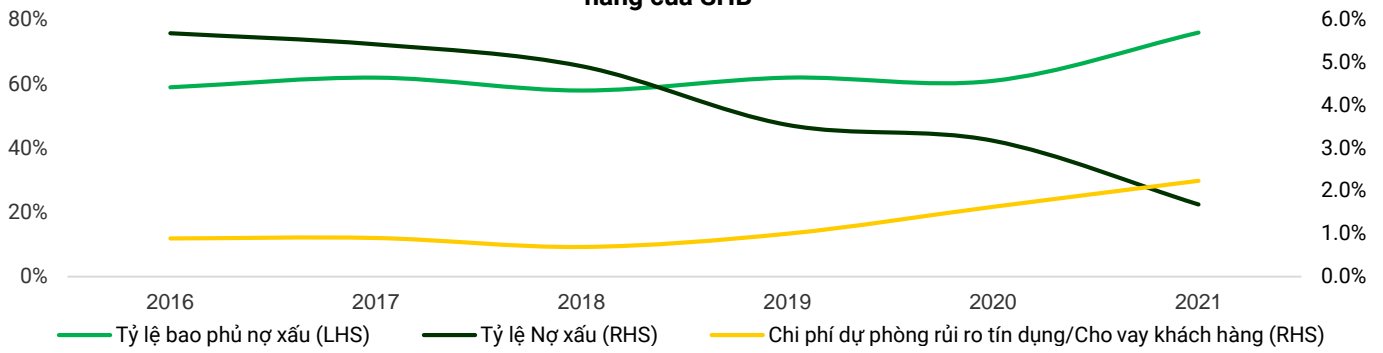
(Nguồn: SHB, PHFM tổng hợp)

Chất lượng tài sản cải thiện

Trong năm 2021, SHB đã thu hồi nợ và trích lập dự phòng cho toàn bộ số dư trái phiếu đặc biệt VAMC, mua lại toàn bộ trái phiếu VAMC trước hạn và xử lý hết nợ tồn đọng sau khi sáp nhập với HBB, và nợ Vinashin. Tỷ lệ Nợ xấu của SHB liên tục cải thiện từ 4.92% vào cuối năm 2018 còn 1.69% vào cuối năm 2021, cao hơn mức trung bình ngành là 1.47%.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của SHB cải thiện lên mức 76% vào cuối năm 2021, nhưng thấp hơn mức trung bình ngành là 95%. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng/ dư nợ liên tục tăng từ 0.69% vào năm 2018 lên 2.24% vào năm 2021, cao hơn mức trung bình ngành là 1.0%.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu, Tỷ lệ Nợ xấu, và Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng/Cho vay khách hàng của SHB



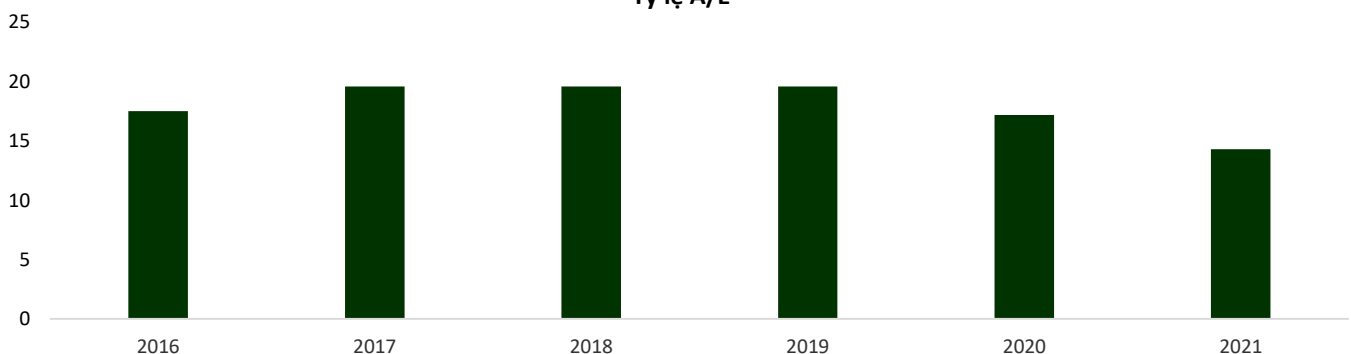
(Nguồn: SHB, PHFM tổng hợp)

Gia tăng bộ đệm vốn, mở rộng hoạt động

Bộ đệm vốn của SHB cải thiện qua các năm. Tỷ lệ Tài sản/ Vốn chủ sở hữu của SHB giảm từ 19.6x vào năm 2017 còn 14.3x vào năm 2021. Dù cải thiện qua thời gian nhưng bộ đệm vốn của ngân hàng còn mỏng hơn so với trung bình ngành.

Năm 2022, SHB sẽ tăng vốn điều lệ 36.7% YoY, tương đương với 9,334 tỷ đồng lên 36,007 tỷ đồng. Số tiền thu được từ đợt tăng vốn dự kiến là 10,667 tỷ đồng. Trong đó, 350 tỷ được sử dụng để đầu tư hệ thống công nghệ thông tin, 9,257 tỷ đồng dùng để cho vay doanh nghiệp, và 1,060 tỷ đồng dùng cho vay cá nhân.

Tỷ lệ A/E



(Nguồn: SHB, PHFM tổng hợp)

Dự phóng kết quả kinh doanh 2022

Đvt : tỷ đồng	2018	2019	2020	2021	2022E
Thu nhập lãi thuần	5,556	7,830	9,933	15,570	18,882
%YoY	15.8%	40.9%	26.9%	56.8%	21.3%
Thu nhập ngoài lãi	1,186	1,558	2,275	2,583	3,866
%YoY	-28.3%	31.4%	46.0%	13.5%	50%
Lợi nhuận sau thuế	1,672	2,418	2,607	5,007	9,583
%YoY	8.6%	44.6%	7.8%	92.1%	91.4%
Tỷ lệ thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập HĐ	82.4%	83.4%	81.4%	85.8%	83.0%
Tỷ lệ chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập HĐ	47.8%	42.1%	35.2%	24.3%	23.0%
Tỷ lệ trích Dự phòng/ Tổng thu nhập HĐ	21.1%	25.7%	38.0%	41.2%	24.4%

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2022, GDP của Việt Nam tăng 6.42% YoY; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8.7% YoY; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 11.7% YoY, cho thấy bức tranh kinh tế Việt Nam đang khởi sắc. Nền kinh tế Việt Nam còn đối mặt với nhiều rủi ro như: (1) chính sách thắt chặt kinh tế toàn cầu gia tăng áp lực lên VND, khiến NHNN tăng lãi suất sớm hơn dự kiến; (2) tác động của xung đột giữa Ukraine-Nga đến giá hàng hóa và rủi ro lạm phát; (3) Mỹ giảm thuế đối với 1 số hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc; (4) Sự xuất hiện và lây lan của các chủng COVID mới; (5) Gián đoạn chuỗi cung ứng và nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu. Q3/2022 được kỳ vọng sẽ chứng kiến bước nhảy vọt về tăng trưởng, được thúc đẩy bởi sự bùng nổ tiêu dùng trong nước.

Kết thúc Q1 2022, tín dụng của SHB tăng trưởng tăng trưởng 5.3% YTD. NHNN cho biết sẽ điều hành lượng tín dụng đưa ra nền kinh tế phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát, chính sách lãi suất, và các quan hệ vĩ mô khác, đồng thời tạo dư địa cho chính sách hỗ trợ lãi suất 2% được thực hiện.

Với dự phóng thận trọng, chúng tôi ước tính tăng trưởng tín dụng năm 2022 của SHB đạt 19.5% nhờ:

- (1) Quá trình phục hồi nền kinh tế và thực hiện các chính sách của Chính phủ để hỗ trợ doanh nghiệp;
- (2) SHB đặt chiến lược khai thác tối đa hệ sinh thái khách hàng, tài trợ chuỗi các tập khách hàng chiến lược của SHB, tập trung vào các ngành tận dụng được thị trường 100 triệu dân của Việt Nam;
- (3) Nền kinh tế xanh là nền kinh tế trong tương lai. Nổi bật là ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực tín dụng xanh, SHB có nhiều cơ hội mở rộng tín dụng và đón đầu xu hướng phát triển của nền kinh tế.

Mục tiêu giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ doanh nghiệp đang đặt ra thách thức cho NHNN khi áp lực lạm phát ngày càng gia tăng và các ngân hàng trung ương các nước tăng lãi suất. Chúng tôi ước tính NIM 2022 của SHB sẽ cải thiện 5 bps lên 3.76% nhờ (1) Các sản phẩm cho vay hệ sinh thái khách hàng có lãi suất tốt; (2) Huy động được nguồn giá rẻ từ các tổ chức tài chính quốc tế.

Ngân hàng Nhà Nước ban hành Thông tư 14/2021/TT-NHNN (Thông tư 14) sửa đổi Thông tư 01/2020/TT-NHNN (Thông tư 01) và Thông tư 03/2021/TT-NHNN cho phép kéo dài thời gian cơ cấu nợ đến ngày 30/06/2022. Qua đó, chúng tôi ước tính tỷ lệ nợ xấu của SHB đạt 1.85% vào năm 2022.

Hơn nữa, Thông tư 14 không điều chỉnh tiến độ trích lập dự phòng, tức là các ngân hàng sẽ tiếp tục thực hiện trích bổ sung phân chênh lệch theo tiến độ đã quy định tại Thông tư 01, tối thiểu là 30%, 60% và 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung trong các năm 2021, 2022, 2023. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của SHB vào cuối năm 2021 là 75.9%. Do năm 2021, SHB đã trích lập dự phòng cho toàn bộ số dư trái phiếu đặc biệt VAMC và mua lại toàn bộ trái phiếu VAMC trước hạn. Chúng tôi ước tính chi phí dự phòng rủi ro tín dụng năm 2022 giảm 25.9%YoY còn 5,550 tỷ đồng, qua đó đưa tỷ lệ bao phủ nợ xấu năm 2022 của SHB cải thiện lên mức 114.2%.

Định giá và khuyến nghị

Sử dụng phương pháp định giá chiết khấu lợi nhuận thặng dư (Residual Income) và P/B, chúng tôi cho rằng mức giá hợp lý đối với SHB là 30,300 VNĐ/CP, tương ứng mức P/E và P/B forward 2022 lần lượt là 8.5x và 1.8x, từ đó chúng tôi đưa ra khuyến nghị: Mua cho cổ phiếu SHB, upside so với giá hiện tại là 115%.

Định giá theo thu nhập thặng dư

Các tiêu chí (Đvt : tỷ đồng)	2022E	2023E	2024E	2025E	2026E
Chi phí VCSH	13.5%	13.5%	13.5%	13.5%	13.5%
Chi phí VCSH dài hạn					13.5%
Tăng trưởng dài hạn sau 2026					3%
Lợi nhuận ròng	9,583	10,815	12,754	14,738	16,732
Thu nhập thặng dư	4,786	4,724	5,203	5,466	5,470
Giá trị hiện tại của Thu nhập thặng dư (5 năm)	4,212	3,685	3,590	3,334	2,954
Giá trị hiện tại của Giá trị cuối cùng					28,975
Tổng giá trị hiện tại của dòng thu nhập thặng dư	46,750				
Vốn chủ sở hữu	35,532				
Cổ phiếu lưu hành (triệu cổ phiếu)	2,667				
Giá hợp lý	30,847				

Phương pháp P/B

Giá trị sổ sách/CP	16,913
LTM P/B của SHB	1.68x
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	28,414

	Residual Income	P/B	Giá hợp lý
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	30,847	28,414	30,300 VNĐ/cp
Tỷ trọng	80%	20%	

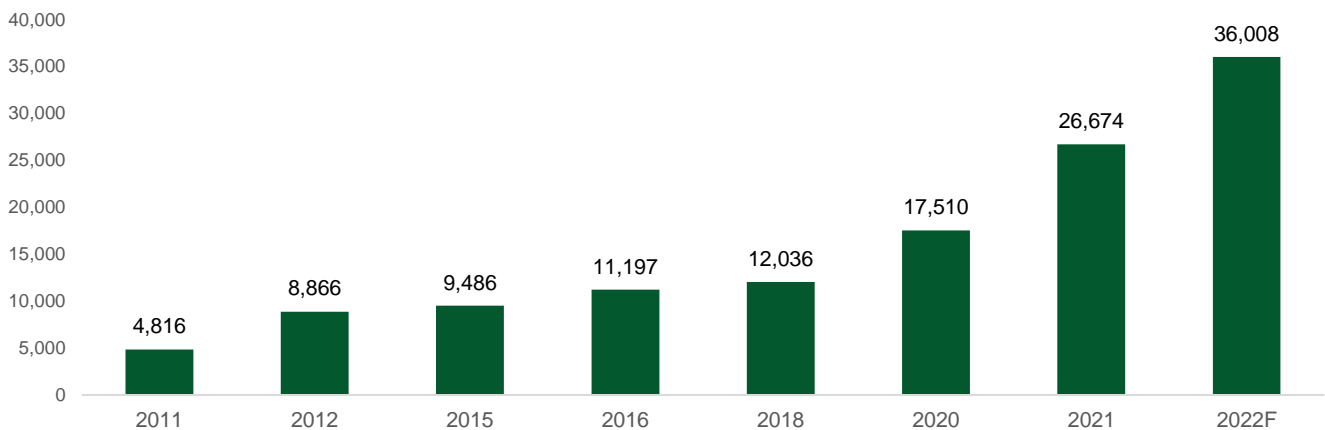
Sơ lược công ty



Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB), tiền thân là Ngân hàng TMCP Nông Thôn Nhơn Ái, được thành lập từ năm 1993. Hoạt động kinh doanh chính của SHB bao gồm huy động vốn, tiếp nhận vốn, cho vay, hùn vốn liên doanh, dịch vụ thanh toán. Ngày 20/04/2009, SHB chính thức giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Quá trình tăng vốn (Tỷ VND)

Vốn điều lệ (Tỷ VND)



(Nguồn: SHB, PHFM tổng hợp)

Báo cáo tài chính

Tỷ VND

Kết quả kinh doanh	2018A	2019A	2020A	2021A	2022E
Thu nhập lãi	22,641	27,683	31,287	35,606	42,546
Chi phí lãi	(17,085)	(19,852)	(21,354)	(20,036)	(23,664)
Thu nhập lãi thuần	5,556	7,830	9,933	15,570	18,882
Thu nhập ngoài lãi	1,186	1,558	2,275	2,583	3,866
Tổng thu nhập hoạt động	6,742	9,389	12,207	18,153	22,748
Chi phí hoạt động	(3,223)	(3,952)	(4,299)	(4,406)	(5,224)
Lợi nhuận thuần trước dự phòng	3,519	5,437	7,908	13,747	17,524
Chi phí dự phòng	(1,425)	(2,411)	(4,640)	(7,487)	(5,550)
Tổng lợi nhuận trước thuế	2,094	3,026	3,268	6,260	11,974
Chi phí thuế	(422)	(608)	(661)	(1,253)	(2,391)
Lợi nhuận sau thuế	1,672	2,418	2,607	5,007	9,583

Cân đối kế toán	2018A	2019A	2020A	2021A	2022E
Tiền và tương đương tiền	1,885	1,755	1,620	1,878	2,301
Tiền gửi tại NHNN	4,329	10,163	14,806	14,352	11,120
Tiền gửi tại các TCTD	29,300	33,708	31,251	64,132	80,543
Đầu tư ngắn hạn	59	174	135	255	255
Cho vay Khách hàng	216,989	265,162	305,637	362,416	432,078
Dự phòng rủi ro cho vay	(3,002)	(3,130)	(3,438)	(4,638)	(9,126)
Chứng khoán đầu tư	48,027	21,604	28,640	25,105	27,659
Góp vốn, đầu tư dài hạn	196	133	133	132	132
Tài sản cố định	486	498	533	536	568
Tài sản khác	20,701	30,868	29,030	37,993	38,893
Tổng cộng tài sản	323,276	365,254	412,680	506,604	589,133
Tổng nợ phải trả	306,943	346,747	388,643	471,073	544,018
Nợ Chính phủ & NHNN	12,211	725	610	1,511	1,037
Tiền vay của các TCTD	44,934	48,624	38,962	79,733	79,733
Tiền gửi của khách hàng	225,224	259,237	303,582	327,197	383,456
Giấy tờ có giá	16,722	26,733	31,034	46,292	59,827
Các khoản nợ khác	7,853	11,429	14,455	16,340	19,965
Vốn chủ sở hữu	16,333	18,507	24,036	35,532	45,115
Tổng nguồn vốn	323,276	365,254	412,680	506,604	589,133

Chỉ tiêu tăng trưởng	2018A	2019A	2020A	2021A	2022E
Tăng trưởng tín dụng	9.4%	22.2%	15.3%	16.4%	19.5%
Tăng trưởng huy động tiền gửi	15.6%	15.1%	17.1%	7.8%	17.2%
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần	15.8%	40.9%	26.9%	56.8%	21.3%
Tăng trưởng thu nhập ngoài lãi	-28.3%	31.4%	46.0%	13.5%	49.7%
Tăng trưởng thu nhập hoạt động	4.5%	39.3%	30.0%	48.7%	25.3%
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	8.8%	44.5%	8.0%	91.6%	91.3%
Tăng trưởng tổng tài sản	13.0%	13.0%	13.0%	22.8%	16.3%
Tăng trưởng Tài sản Có sinh lãi (IEA)	16.4%	10.8%	15.1%	22.4%	17.5%
Tăng trưởng Nợ chịu lãi (IBL)	12.6%	12.1%	11.6%	21.5%	15.2%
Tăng trưởng Vốn điều lệ	7.5%	0.0%	45.5%	52.3%	15.0%

Chỉ số tài chính	2018A	2019A	2020A	2021A	2022E
Khả Năng Sinh Lãi					
Tỷ trọng thu nhập lãi thuần	82.4%	83.4%	81.4%	85.8%	83.0%
Tỷ trọng thu nhập ngoài lãi	17.6%	16.6%	18.6%	14.2%	17.0%
Tỷ suất LN ròng	24.8%	25.8%	21.4%	27.6%	42.1%
ROAA	0.5%	0.7%	0.7%	1.1%	1.8%
ROAE	10.8%	13.9%	12.3%	16.8%	23.8%
Chỉ số riêng					
Tỷ lệ Chi Phí/ Thu nhập HĐ (CIR)	47.8%	42.1%	35.2%	24.3%	23.0%
Tỷ lệ cho vay/ Tiền gửi (LDR) ^(*)	79.6%	78.6%	83.8%	80.3%	82.4%
Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM)	2.0%	2.5%	2.8%	3.7%	3.8%
Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi cận biên (NNIM)	0.4%	0.5%	0.6%	0.6%	0.8%
Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA)	8.4%	7.3%	9.3%	9.1%	10.1%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	2.40%	1.91%	1.83%	1.69%	1.85%
Tỷ lệ quỹ DPRR/Nợ xấu (LLR)	57.7%	61.9%	61.4%	75.9%	114.2%
Tỷ lệ quỹ DPRR/Dư nợ cho vay KH	1.4%	1.2%	1.1%	1.3%	2.1%

(*) Tỷ lệ LDR được tính theo thông tư 36/2014/TT-NHNN

(Nguồn: PHFM tổng hợp)

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Nguyễn Thị Thảo Vy, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng/Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 8 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby

81-83-83B-85 Hàm Nghi,

Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị

Sáu, Quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,

251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân

Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, Trung Hòa

Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,

Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai

Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4566

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo,

Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801